

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 57 /2019/DS-PT
Ngày 31- 10 - 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đức Chiến;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Đức Châm;

Ông Lê Xuân Sơn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2019/TLPT-DS ngày 12 tháng 9 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 59/2019/QĐXX-PT ngày 01 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 24-10-2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Triệu Thị C, sinh năm 1970; cư trú tại: Thôn T, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Triệu Văn M, sinh năm 1956 và bà Triệu Thị C1, sinh năm 1961. Đều cư trú tại: Thôn T, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn đều có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Phan Văn T- Văn phòng Luật sư P và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang; Địa chỉ: đường N, phường X, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hà Văn T, sinh năm 1966;

2. Anh Hà Văn T1, sinh năm 1995;

3. Anh Hà Thế N, sinh năm 2000;

4. Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1958;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Điều vắng mặt.

5. Ông Phạm Văn T2, sinh năm 1973. Địa chỉ: Khu M, thị trấn L, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Triệu Thị C1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện cùng những lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Triệu Thị C trình bày:

Năm 2000 bà mua lô đất của anh Phạm Văn T2 để canh tác. Lô đất anh Phạm Văn T2 đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp hồ sơ giao quyền quản lý sử dụng đất rừng và đất trồng rừng năm 1996. Từ năm bà nhận chuyển nhượng lô đất đó đã được mẹ anh T2 cùng anh T2 đưa đi chỉ danh giới lô đất đó cho bà. Năm 2002 gia đình bà chuyển nhà xuống ở tại mảnh đất đó và canh tác trên lô đất, bà có thuê máy xúc đất, ngăn thửa đất ra cho rõ ràng và để tiện canh tác đất, khi máy xúc mức được diện tích khoảng 857m² đất thì gia đình ông Triệu Văn M cùng em ruột là Triệu Thị C1 ra ngăn cản. Hai anh em ông Triệu Văn M và Triệu Thị C1 cho rằng đất của họ và lấy thiên nhiên mức nước dâng lên đến đâu thì giữ lấy đất của gia đình ông M, bà C1 đến đó. Năm 2010 đoàn đo đạc đất đai của xã đến đo lại, phân chia các thửa đất. Gia đình ông Triệu Văn M và bà Triệu Thị C1 không có ý kiến gì. Sau thời gian đo đạc, gia đình bà C lấy giấy chuyển nhượng, hồ sơ của anh Phạm Văn T2 đến Ủy ban nhân dân xã Q kê khai và ký giáp danh để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2013, gia đình bà C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hà Văn T và Triệu Thị C. Cuối năm 2013 gia đình bà C thuê máy xúc mức một phần đất của thửa 55 đổ vào chỗ trống của thửa 44 để trồng cây. Hiện nay trên thửa 55 của bà đã có diện tích khoảng 360m² là vũng có nước ngập quanh năm. Trong vũng nước đó có ít cá thiên nhiên. Gia đình ông Triệu Văn M cùng em ruột là Triệu Thị C1 lấy có mức nước và ít cá tự nhiên để giữ phần đất còn lại trên thửa 55 của bà C nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Nay bà Triệu Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Triệu Văn M và bà Triệu Thị C1 trả lại diện tích khoảng 1.525m² cho gia đình bà được quản lý canh tác theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn ông Triệu Văn M trình bày:

Ông Triệu Văn M và bà Triệu Thị C1 là hai anh em ruột. Năm 1983 ông thấy đất bỏ hoang, mùa mưa có nước nên hai anh em ông đã đắp bờ thả cá tại mảnh đất đang tranh chấp. Đến năm 2000, gia đình anh Hà Văn T với cô Triệu Thị C ở thôn B, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn xuống mua đất của anh Nguyễn Văn L cùng thôn. Trong quá trình mua đất, anh T có làm và sửa chữa lại nhà và

có xin ông M cuộc một hồ nhỏ để tôi vôi làm nhà. Sau khi cho anh T tôi vôi xong thì ông và em gái là Triệu Thị C1 vẫn thả cá bình thường như mọi năm không có ai tranh chấp. Đến một năm nào ông không nhớ, gia đình anh T tự ý múc đất ao nhà ông, ông không cho, rồi sau này gia đình anh T lại tự ý múc đất ao lần 2, vợ ông M là bà Hoàng Thị V không cho múc nhưng cô Triệu Thị C lại xin vợ ông múc đất lên để làm đường đi lại, vì mùa mưa nước hay ngập đi lại khó khăn, nên gia đình ông đã cho múc, vì gia đình cô C cũng là anh em trong gia đình nhà ông. Đến năm có đoàn đến đo đất, vợ ông là bà Hoàng Thị V đi kê khai làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích hiện nay đang tranh chấp, nhưng đến nay gia đình ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2017 gia đình ông với bà C1 thả cá bình thường như mọi năm. Vào ngày 13-7-2017 âm lịch, ao cạn nước, bà C1 vào xem ao cá thì thấy anh T và con trai đang đánh cá trộm của gia đình ông. Bà C1 đã nhắc nhở anh T và con trai anh T nhưng hai bố con anh T không nghe, còn đánh đuổi bà C1 em gái ông. Bà C1 có nhờ anh Đàm Văn L là trưởng thôn vào can thiệp thì không thấy bố con nhà anh T nữa. Đến năm 2018, gia đình ông vẫn tiếp tục thả cá bình thường, đến mùa nước cạn, bà C1 vào xem ao lại thấy hai bố con nhà anh T đánh trộm cá, bà C1 lại nhắc nhở nhưng hai bố con anh T quay lại đuổi đánh bà C1. Hiện tại gia đình bà C khởi kiện ông và bà C1 trả lại diện tích đất tranh chấp ông không đồng ý. Vì trong thời gian gia đình ông thả cá ông còn mua cá giống của anh Triệu Văn T1 nguyên trưởng thôn thời đó về thả, hiện nay anh T1 đang làm Chủ tịch xã Q là người biết rõ. Nay ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết minh bạch cho gia đình ông được tiếp tục quản lý và sử dụng diện tích đất tranh chấp, đúng theo quy định của pháp luật. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà C, ông T, ông không biết việc cấp giấy như thế nào và cũng không liên quan gì đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C và ông T, nên ông không có ý kiến và không đề nghị gì.

Bị đơn bà Triệu Thị C1 trình bày:

Bà C1 và ông Triệu Văn M là hai anh em ruột. Bà C1 sinh ra lớn lên tại thôn T, xã Q và đã được đắp bờ thả cá trên diện tích đất tranh chấp từ năm 1983 đến nay không có tranh chấp với ai, nay gia đình bà C1 vẫn đang canh tác C1 với ông M. Năm 2000 gia đình anh Hà Văn T với cô Triệu Thị C ở thôn B, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn mua đất của anh Nguyễn Văn L, sau đó làm nhà ở tại vị trí nay gia đình bà C đang ở. Trong quá trình anh T làm nhà có xin ông M cuộc một hồ nhỏ để tôi vôi. Sau khi cho nhà anh T tôi vôi xong thì gia đình bà vẫn thả cá bình thường như mọi năm không có ai tranh chấp.

Sau đó cô Triệu Thị C vợ anh T lại xin múc lấy đất ao lên để làm đường đi lại, vì mùa mưa nước hay ngập đi lại khó khăn, vì gia đình cô C cũng là anh em trong gia đình nên không làm giấy tờ gì (bà C1 không rõ về thời gian vì đã lâu). Trong quá trình sử dụng diện tích đất đang tranh chấp bà C1 chưa đi kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và gia đình bà cũng chưa ai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về diện tích đất đang tranh chấp. Năm 2017 gia đình bà vẫn thả cá bình thường như mọi năm.. Vào ngày 13-7-2017 âm lịch, ao cạn nước bà vào xem cá thì thấy anh T và con trai đang đánh

trộm cá, bà có nhắc nhở anh T và con trai anh T nhưng hai bố con anh T không nghe, mà còn đuổi đánh bà. Đến năm 2018, gia đình bà vẫn tiếp tục thả cá, đến mùa nước cạn, bà C1 vào xem ao lại thấy hai bố con nhà anh T đánh trộm cá, bà lại nhắc nhở thì bị hai bố con anh T đuổi đánh và xảy ra tranh chấp từ đó. Nay bà C khởi kiện gia đình bà trả lại diện tích đất tranh chấp bà không đồng ý. Nay bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết M bạch cho gia đình bà được tiếp tục quản lý và sử dụng diện tích đất tranh chấp đúng theo quy định của pháp luật. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà C, bà C1 không liên quan nên không có ý kiến và đề nghị gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Hoàng Thị V trình bày: Bà là vợ của ông Triệu Văn M, là chị dâu của bà C1. Bà đồng ý với ý kiến trình bày trong bản tự khai của ông M và ý kiến của bà C1 trình bày là đúng. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C. Bà yêu cầu được sử dụng toàn bộ phần đất hiện đang tranh chấp mà gia đình bà làm ao thả cá từ năm 1983 đến nay.

Tại bản tự khai anh Hà Văn T1 và anh Hà Thế N trình bày:

Anh T1 và anh N là con của bà C và ông T, cũng đồng ý với ý kiến trình bày của bà Triệu Thị C, không có ý kiến bổ sung gì.

Ông Phạm Văn T2 trình bày:

Ông sinh ra lớn lên tại Thôn T, xã Q, huyện H và khai phá được khu đất tại thôn T, xã Q. Đến năm 1996 ông được Nhà nước phát động các hộ gia đình có đất rừng, đất bãi kê khai cấp hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng, gia đình ông đã đi kê khai và được UBND huyện H cấp sổ hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng (bìa xanh), với diện tích là 1,3ha. Năm 2000 gia đình ông không đủ nhân lực để canh tác nên đã chuyển nhượng cho vợ chồng bà Triệu Thị C và ông Hà Văn T, khi chuyển nhượng ông có được ra khu đất chỉ mốc giới cho gia đình bà C và ông T cụ thể các phía tiếp giáp: Bắc giáp đất Bùi Văn L, Triệu Văn N1, Triệu Văn P; Nam giáp đất bà H (mẹ Trần Văn M); Đông giáp đất Triệu Văn S, Trương Văn H1; Tây giáp đất Bùi Đình T2. Trong quá trình canh tác hàng năm chủ yếu là trồng lạc và trồng ngô, đến khi chuyển nhượng cho gia đình bà C không xảy ra tranh chấp gì với ai. Ông khẳng định xung quanh thửa đất của ông không có đất của hộ ông Triệu Văn M và bà Triệu Thị C1 giáp danh. Khi chuyển nhượng đất cho bà C, ông T có làm giấy viết tay và có xác nhận của trưởng thôn và UBND xã Q, đồng thời ông bàn giao hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng cho bà C và ông T. Ông khẳng định diện tích đất hiện đang tranh chấp là đất của ông đã chuyển nhượng cho gia đình bà C và ông T. Nay bà C, ông T được toàn quyền quản lý, sử dụng ông không yêu cầu và đề nghị gì về diện tích đã chuyển nhượng cho gia đình bà C, ông T. Việc xảy ra tranh chấp giữa bà C và ông M, bà C1, ông không liên quan, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 14 tháng 4 năm 2019 Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã xác định:

- Diện tích đất đang tranh chấp tọa tại Thôn T, xã Q, huyện H là 1.525,0m² là đất trồng cây hàng năm khác thuộc một phần của thửa đất số 55, tờ bản đồ địa chính số 17 của xã Q, nằm trong tổng diện tích 2.177,0m², đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn T, bà Triệu Thị C số sổ BN 314951, cấp ngày 30-12-2013, đất có các phía tiếp giáp: Phía bắc giáp đất ông T, bà C cạnh dài 9,66m + 6,18m + 12,41m + 14,14m + 24,63m; phía nam tiếp giáp đất bà H (mẹ ông Trần Văn M) dài 55,15m; phía tây giáp đất ông T, bà C dài 10,44m + 12,45m; phía đông giáp đất Triệu Văn S dài 21m. Diện tích đất có tổng giá trị là 56.425.000đ. Tại s^l n tr^u n ®Êt tranh chÊp: Không có.

Qua kiểm tra việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xem xét thẩm định tại chỗ diện tích đất đang tranh chấp là 1.525m² thuộc một phần của thửa đất số 55, nằm trong tổng diện tích 2.177m², tờ bản đồ địa chính số 17 xã Q, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hà Văn T, bà Triệu Thị C ngày 30-12-2013. Bà Triệu Thị C1 và ông Triệu Văn M chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng không có giấy tờ gì chứng M là ông bà sử dụng hợp pháp diện tích đất đang tranh chấp.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Triệu Thị C đã nộp tạm ứng số tiền là 6.000.000đ. Do hai bên không thỏa thuận được khoản tiền chi phí thẩm định tại chỗ và định giá và yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung vụ án nêu trên, tại bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H đã áp dụng khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 357 Bộ luật dân sự; điểm đ Điều 12, 14, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NĐ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị C, được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 1.525m² thuộc lô 55, diện tích 2.177m², tờ bản đồ địa chính số 17 xã Q theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 314951, cấp ngày 30-12-2013 mang tên ông Hà Văn T và bà Triệu Thị C; *(có sơ họa thửa đất kèm theo)*. Xử buộc ông Triệu Văn M, bà Triệu Thị C1 chấm dứt việc tranh chấp diện tích đất 1.525m² thuộc lô 55, diện tích 2.177m², tờ bản đồ địa chính số 17 xã Q đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hà Văn T và bà Triệu Thị C.

Về chi phí tố tụng: Ông Triệu Văn M và bà Triệu Thị C1 mỗi người phải chi 1.500.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Buộc ông Triệu Văn M và bà Triệu Thị C1 phải thanh toán cho bà Triệu Thị C số tiền tạm ứng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản mỗi người là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi xuất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Trong thời hạn luật định, ngày 12 tháng 8 năm 2019 bà Triệu Thị C1 là bị đơn có kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 02-8-2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 11-9/2019 bà Triệu Thị C1 có đơn xin thay đổi, bổ sung kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những vấn đề sau:

- Xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Triệu Thị C.
- Yêu cầu bà C trả lại diện tích 1.525m² đất tranh chấp cho bà.
- Yêu cầu hủy giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phạm Văn T2 và bà Triệu Thị C. Vì ông T2 đã bán diện tích 1.525m² đất của bà cho bà Triệu Thị C.
- Yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hà Văn T và bà Triệu Thị C.

Ngày 18-10-2019 Văn phòng Luật sư P và Cộng sự đã giao nộp bổ sung tài liệu chứng cứ mới bao gồm: Biên bản xác minh và giấy chứng nhận điều tra ngày 08-8-2019 kèm theo bản ảnh và 01 (một) tập tài liệu có số trang từ 01 đến 19 (Theo biên bản giao nhận ngày 18-10-2019 giữa Tòa án tỉnh Lạng Sơn và nhân viên Văn phòng Luật sư, lưu trong hồ sơ vụ án).

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Triệu Thị C1 và Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp thay đổi, bổ sung nội dung đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử. Xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị C, trả lại diện tích 1.525m² đất tranh chấp cho bà gia đình bà và ông Triệu Văn M; Yêu cầu hủy giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phạm Văn T2 và Triệu Thị C; Yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hà Văn T và bà Triệu Thị C.

Nguyên đơn bà Triệu Thị C đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật, các đương sự có mặt tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo đề ngày 08-8-2019 của bà Triệu Thị C1 kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, được coi là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Triệu Thị C1 thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa phúc thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị C, để gia đình bà và ông M được quyền quản lý đất tranh chấp và yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện H đã cấp cho ông Hà Văn T và bà Triệu Thị C.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ diễn biến tại phiên tòa; Kiểm sát viên cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét và làm rõ nguồn gốc đất tranh chấp có liên quan như thế nào đến ông Nguyễn Văn L; chưa thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C, ông T để làm căn cứ đối chiếu; chưa làm rõ tài liệu chứng cứ ông T2 chuyển nhượng cho bà Triệu Thị C như thế nào? Do bản án sơ thẩm còn nhiều mâu thuẫn chưa được làm rõ, vi phạm trong việc đánh giá chứng cứ.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xử hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 02-8-2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn, những nội dung kháng cáo sẽ được xem xét lại khi giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hà Văn T1 và anh Hà Thế N; ông Phạm Văn T2 đều vắng mặt. Tuy nhiên, họ đều đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và anh Hà Văn T; Hà Văn T1, anh Hà Văn N đã có ủy quyền cho bà Triệu Thị C; **ông Phạm Văn T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt.** Nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt họ. Bởi vậy, Hội đồng xét xử sau khi thảo luận. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Bản án sơ thẩm xác định về quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và xác định thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Xét kháng cáo đề ngày 08-8-2019 của bị đơn bà Triệu Thị C1; Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Triệu Thị C1 kháng cáo là hợp lệ. Tuy nhiên, người kháng cáo không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới để chứng M và phục vụ cho việc kháng cáo của mình, ngoài những tài liệu chứng cứ đã được làm rõ tại cấp sơ thẩm, tại phiên tòa hôm nay, bà Triệu Thị C1 và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp có thay đổi nội dung kháng cáo và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo bổ sung đề ngày 09-9-2019 và đề nghị Tòa phúc thẩm. Xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị C, trả lại diện tích 1.525m² đất tranh chấp cho bà gia đình bà và ông Triệu Văn M; Yêu cầu hủy giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phạm Văn T2 và bà Triệu Thị C; Yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hà Văn T và bà Triệu

Thị C. Hội đồng xét xử thấy rằng: Các tài liệu, chứng cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cung cấp ngày 18-10-2019 cũng như lời trình bày của bà C1 tại Tòa là không có căn cứ. Bởi, căn cứ Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12-4-2019 thì diện tích 1.525,0m² đất đang tranh chấp tọa tại Thôn T, xã Q, huyện H là thuộc một phần của thửa đất số 55, tờ bản đồ địa chính số 17 của xã Q, nằm trong tổng diện tích 2.177,0m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn T, bà Triệu Thị C số sổ BN 314951, cấp ngày 30-12-2013, đất có các phía tiếp giáp: Phía bắc giáp đất ông T, bà C cạnh dài 9,66m + 6,18m + 12,41m + 14,14m + 24,63m; phía nam tiếp giáp đất ông Trần Văn M có cạnh dài 55,15m; phía tây giáp đất ông T, bà C dài 10,44m + 12,45m; phía đông giáp đất Triệu Văn S dài 21m. Không có đất tiếp giáp với ông M và bà C1. Mặt khác tại cấp sơ thẩm bà Triệu Thị C1 và ông Triệu Văn M không có ý kiến và yêu cầu gì về thủ tục, trình tự cấp Giấy chứng nhận cho hộ ông Thao và bà C. Như vậy, có căn cứ khẳng định bà Triệu Thị C1 và ông Triệu Văn M không có đất tại nơi tranh chấp, nên không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng không có tài liệu gì chứng M là ông M, bà C1 sử dụng hợp pháp diện tích đất đang tranh chấp. Mặt khác, Bản án sơ thẩm đã thực hiện đúng các thủ tục Tố tụng theo quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của bà Triệu Thị C1 không được chấp nhận, vì không có căn cứ. Cần áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 02-8-2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

[4] Đối với yêu cầu kháng cáo bổ sung đề ngày 09-9-2019 của bị đơn bà Triệu Thị C1, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Triệu Thị C. Yêu cầu bà C trả lại diện tích 1.525m² đất tranh chấp cho bà. Yêu cầu hủy giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phạm Văn T2 và bà Triệu Thị C. Vì ông T2 đã bán diện tích 1.525m² đất của bà cho bà Triệu Thị C và yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hà Văn T và bà Triệu Thị C là không có căn cứ và đã vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu và thời hạn kháng cáo đã hết, theo quy định tại Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự nên không được xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Triệu Thị C1 không được Hội đồng xét xử chấp nhận, vì không có cơ sở.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không được chấp nhận.

[7] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị C được Tòa án chấp nhận, nên ông Triệu Văn M và bà Triệu Thị C1, mỗi người phải chi 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Buộc ông Triệu Văn M và bà Triệu Thị C1 phải thanh toán cho bà Triệu Thị C số tiền tạm ứng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, mỗi người là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) và phải chịu lãi xuất chậm trả theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

[8] Đối với án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-

12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Triệu Văn M và bà Triệu Thị C1. Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà Triệu Thị C1.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Triệu Thị C1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 02-8-2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

Áp dụng khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 147; 148; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 357 Bộ luật dân sự; điểm đ Điều 12, 14, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NĐ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị C yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 1.525m² nằm trong diện tích 2.177m², thuộc lô 55, tờ bản đồ địa chính số 17 xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 314951, cấp ngày 30-12-2013 mang tên hộ ông Hà Văn T và bà Triệu Thị C. Diện tích đất có các phía tiếp giáp sau: Phía bắc giáp đất ông Hà Văn T, bà Triệu Thị C có các cạnh dài 9,66m + 6,18m + 12,41m + 14,14m + 24,63m; phía nam tiếp giáp đất ông Trần Văn M cạnh dài 55,15m; phía tây giáp đất ông Hà Văn T, bà Triệu Thị C có các cạnh dài 10,44m + 12,45m; phía đông giáp đất ông Triệu Văn S dài 21m. *(có sơ họa thửa đất kèm theo)*

2. Xử buộc ông Triệu Văn M, bà Triệu Thị C1 chấm dứt việc tranh chấp diện tích đất 1.525m² nằm trong diện tích 2.177m², thuộc lô 55, tờ bản đồ địa chính số 17 xã Q đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hà Văn T và bà Triệu Thị C.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Triệu Văn M và bà Triệu Thị C1 mỗi người phải chịu 1.500.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Buộc ông Triệu Văn M và bà Triệu Thị C1 phải thanh toán cho bà Triệu Thị C số tiền tạm ứng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản mỗi người là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Triệu Văn M và bà Triệu Thị C1 số tiền mỗi người là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Triệu Thị C số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án là 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền AA/2015/0001000 ngày 15-01-2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về án phí phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà Triệu Thị C1. Hoàn trả số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà Triệu Thị C1, theo biên lai thu tiền AA/2016/0000103 ngày 19-8-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Các quyết định khác của bản dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (31-10-2019).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h-Hữu Lũng, t.Lạng Sơn;
- Chi cục THADS h-Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Cao Đức Chiến

